TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC NGẠN** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **94/**2021/QĐST-HNGĐ	*Lục Ngạn, ngày 13 tháng 5 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ dân sự thụ lý số 123/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 04 năm 2021, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị T**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn C, huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn V**, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn C, huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ vào các Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 05 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 05 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn V.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung của vợ chồng là cháu Nguyễn Phi H, sinh ngày 13/5/2003 và cháu Nguyễn

Thế H, sinh ngày 18/08/2008. Anh Nguyễn Văn V có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Nguyễn Thế H cho chị T với mức cấp dưỡng hàng tháng là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng)/ tháng kể từ tháng 6/2021 cho đến khi cháu Hậu đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Nguyễn Phi H chị T anh V tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn anh Nguyễn Văn V được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở anh V thực hiện quyền này.

2.2. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (Trong đó có 150.000 đồng án phí giải quyết việc ly hôn và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0010257 ngày 8 tháng 04 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn.

Kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật, đến thời hạn thanh toán, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành án hoặc thi hành án không đầy đủ thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tiền trên số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự: thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- CCTHADS huyện Lục Ngạn;
- UBND thị trấn C, huyện LN; tỉnh Bắc Giang;
- Lưu h/s.

THẨM PHÁN

Đã ký

Nguyễn Đức Nhường